

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 219/2022/DS-PT

Ngày: 18 - 11 - 2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung.

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình;
Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 230/2022/DS-PT ngày 19 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2022/DS-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 215/2022/QĐ-PT ngày 08/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Bảo T - sinh năm 1988. Có mặt.

Địa chỉ: Số 1xx đường N, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị L - sinh năm 1967. Có mặt.

Địa chỉ: Số 2xx, Thôn x, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ Bảo Q – sinh năm 1984. Có mặt.

Địa chỉ: Số 1xx đường N, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Võ Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Bảo T trình bày có nội dung như sau:*

Do có mối quan hệ quen biết nên ông T có cho bà Võ Thị L vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 16/9/2019, bà L vay số tiền 60.000.000 đồng

- Ngày 08/5/2020, bà L vay số tiền 115.000.000 đồng

- Ngày 01/11/2020, ông T chuyển khoản cho bà L vay 20.000.000 đồng

- Ngày 08/02/2021, bà L nói cần tiền để trả tiền đất vì trước đó ông T có mua của bà L 01 lô đất, vì tin tưởng nên ông T đã chuyển cho bà L vay số tiền 400.000.000 đồng.

Mặc dù ông T đã nhiều lần yêu cầu bà L phải trả số tiền đã vay như trên nhưng bà L vẫn không chịu trả. Khi vay hai bên có thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất là 15%/01 năm nhưng nay ông T chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà L trả số tiền gốc 595.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ thời điểm khởi kiện đến khi trả hết nợ.

**/ Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Võ Thị L trình bày có nội dung như sau:*

Bà và ông Võ Bảo T có quan hệ quen biết với nhau nên có nhiều lần vay mượn tiền, cụ thể:

- Ngày 16/9/2019, bà vay ông T số tiền 60.000.000 đồng, hẹn 15 ngày sẽ trả, khi vay có viết giấy vay và thỏa thuận lãi suất là 2.000 đồng/1.000.000đồng/1 ngày, nên mỗi ngày bà phải trả cho ông T 120.000 đồng tiền lãi. Đối với số tiền này ngày 08/5/2020 bà L đã trả cho ông T và số tiền lãi suất là 27.960.000 đồng nhưng khi trả bà và ông T không viết giấy tờ gì cũng không yêu cầu ông T trả lại giấy vay tiền hay xé hủy giấy vay nên không có chứng cứ gì cung cấp cho Tòa án.

- Sau khi trả bà L còn nợ lại ông T số tiền 115.000.000 đồng hai bên thỏa thuận khi nào có tiền sẽ trả và lãi suất cũng được tính là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày.

- Ngày 29/10/2020, ông T có vay của bà L số tiền 20.000.000 đồng và viết giấy vay đưa cho bà L giữ, ông T chỉ mượn 1 ngày nên không thỏa thuận lãi suất gì. Đến ngày 01/11/2020 ông T chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam của bà L số tiền 20.000.000 đồng để trả nợ nên bà L đã trả lại giấy vay tiền cho ông T nên không có chứng cứ gì để cung cấp.

Đối với số tiền 400.000.000 đồng mà ông T chuyển vào tài khoản ngân hàng của bà L là số tiền ông T trả nợ thay cho ông Võ Bảo Q là anh trai của ông T. Vì ông Q còn nợ bà L số tiền 830.000.000 đồng, nên việc ông T trả nợ thay cho ông Q số tiền 400.000.000 đồng thì bà đồng ý và không có việc bà L mượn số tiền 400.000.000 đồng của ông T.

Việc ông T cho rằng có mua đất của bà L và nhờ ông T đứng tên thì bà không biết. Đối với khoản nợ của ông Q bà cũng không có yêu cầu gì.

Đến nay bà L xác định mình còn nợ ông T số tiền 115.000.000 đồng nên đối với yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu bà trả số tiền 595.000.000 đồng và lãi suất thì bà không đồng ý.

**/ Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Bảo Q trình bày có nội dung như sau:*

Do có mối quan hệ quen biết nên ông Q nhiều lần vay tiền của bà L tổng cộng là 830.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó ông đã nhiều lần chuyển tiền trả nợ cho bà L nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu.

Đối với số tiền 400.000.000 đồng mà ông T chuyển vào tài khoản của bà L thì không liên quan gì đến khoản vay của ông Q. Việc vay mượn của ông T và bà L thì ông không biết và không liên quan nên việc bà L cho rằng ông T chuyển tiền để trả nợ thay cho ông là không đúng. Đối với khoản vay giữa ông và bà L nếu muốn bà có thể khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc ông T khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền 595.000.000 đồng và lãi suất thì ông không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2022/DS-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 162; Điều 220; Điều 226; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469; Điều 470 Bộ luật dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Bảo T. Buộc bà Võ Thị L phải có nghĩa vụ trả cho ông Võ Bảo T tổng số tiền: 619.956.944 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 595.000.000 đồng và tiền lãi suất là 24.956.944 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bị đơn bà Võ Thị L phải chịu 28.798.278 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Võ Bảo T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 15.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0012430 ngày 09 tháng 03 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/8/2022 bị đơn bà Võ Thị L có đơn kháng cáo một phần bản án, với nội dung: Bà không nợ ông T số tiền 619.928.000 đồng như Tòa án sơ thẩm đã tuyên, bà chỉ còn nợ ông T số tiền 115.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà Võ Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Căn cứ nội dung của giấy mượn tiền ngày 16/9/2019 và giấy mượn tiền ngày 08/5/2020 và kết quả sao kê tài khoản thể hiện bà L có vay tiền trực tiếp và nhận chuyển khoản của ông Võ Bảo T số tiền tổng cộng 595.000.000 đồng. Bà Võ Thị L và ông Võ Bảo T đều thừa nhận hai bên có quan hệ vay mượn với nhau nhiều lần, lãi suất chỉ thỏa thuận bằng miệng. Đối với bà L cho rằng khoản vay 60.000.000 đồng bà đã trả hết cho ông T và số tiền 20.000.000 đồng ông T chuyển khoản cho bà là để trả nợ vì trước đó ông T có vay của bà số tiền tương ứng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Việc bà L cho rằng số tiền 400.000.000 đồng ông T chuyển cho bà là để trả nợ thay cho anh trai là Võ Bảo Q nhưng ông Q không thừa nhận và cho rằng việc vay mượn giữa bà và ông Q không liên quan gì đến ông T và bà L cũng không chứng cứ nào khác để chứng minh. Như vậy, có đủ căn cứ xác định và Loan có vay của ông T số tiền 595.000.000 đồng. Do đó, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Bảo T và buộc bà Võ Thị L trả cho ông T số

tiền 619.956.944 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 595.000.000 đồng và tiền lãi suất là 24.956.944 đồng là có căn cứ. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2022/DS-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị L, xét thấy:

[1.1] Tại các Giấy vay tiền và sao kê tài khoản do nguyên đơn ông Võ Bảo T cung cấp thể hiện nội dung bà Võ Thị L có vay tiền của ông Võ Bảo T, cụ thể như sau: Ngày 16/9/2019 vay 60.000.000 đồng; ngày 08/5/2020 vay 115.000.000 đồng; ngày 01/11/2020 vay 20.000.000 đồng và ngày 08/2/2021 vay 400.000.000 đồng. Bị đơn bà Võ Thị L thừa nhận giữa hai người có quan hệ vay mượn với nhau nhiều lần và có nhận được các số tiền như vậy nhưng bà cho rằng số tiền 60.000.000 đồng bà đã trả cả gốc và lãi cho ông T, số tiền 20.000.000 đồng là ông T vay của bà, có viết giấy nhưng khi ông T chuyển trả thì bà đã giao giấy vay cho ông T nên không có chứng cứ gì để chứng minh và cung cấp.

Số tiền 400.000.000 đồng bà cho rằng ông T chuyển để trả thay khoản vay của ông Võ Bảo Q là anh trai ông T nhưng ông Q không thừa nhận, ông Q thừa nhận có quan hệ vay mượn với bà L nhưng không liên quan gì đến ông T và nếu cần thiết bà L có thể khởi kiện ra Tòa án để giải quyết. Bà L có cung cấp các nội dung tin nhắn giữa bà L với ông T, ông Q nhưng nội dung tin nhắn không liên quan đến khoản tiền 400.000.000 đồng mà nội dung tin nhắn thể hiện giữa bà L và ông T, ông Q có quan hệ làm ăn với nhau. Do bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, trong khi nguyên đơn ông T không chấp nhận ý kiến của bà L nên lời trình bày của bị đơn bà Võ Thị L là không có cơ sở chấp nhận. Bản án sơ thẩm xác định bà Võ Thị L có vay của ông Võ Bảo T số tiền gốc 595.000.000 đồng, là có căn cứ.

[1.2] Về lãi suất: Tại các Giấy vay tiền đề các ngày 16/9/2019 và ngày 08/5/2020, không thể hiện lãi suất và thời hạn trả nợ. Bản án sơ thẩm xác định hợp đồng vay theo các giấy vay tiền là hợp đồng vay không có lãi và không kỳ hạn là đúng. Nguyên đơn ông T yêu cầu tính lãi suất phát sinh luật kể từ thời điểm khởi kiện đến khi trả hết nợ, mức lãi suất tính theo quy định pháp luật và bản án sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, để tính lãi suất theo mức 10%/năm, là phù hợp.

[1.3] Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Vào các ngày 16/9/2019, 08/5/2020, 01/11/2020 và 08/02/2021, bà Võ Thị L có vay của ông Võ Bảo T với tổng số tiền vay gốc là 595.000.000 đồng. Ông T yêu cầu nhưng bà L không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay. Bản án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông

Võ Bảo T, buộc bà Võ Thị L trả cho ông Võ Bảo T số tiền nợ gốc là 595.000.000 đồng và tiền lãi suất tính từ ngày thụ lý vụ án (ngày 25/02/2022) đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/7/2022) với số tiền 24.956.944 đồng, là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó kháng cáo của bà Võ Thị L là không có căn cứ chấp nhận và cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là đúng đắn.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo là bà Võ Thị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2022/DS-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng Điều 463; khoản 1, khoản 4 Điều 466 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Bảo T.

Buộc bà Võ Thị L phải trả cho ông Võ Bảo T số tiền nợ là 619.956.944 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 595.000.000 đồng và tiền lãi suất là 24.956.944 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị L phải chịu 28.798.278 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Võ Bảo T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 15.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0012430 ngày 09 tháng 03 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng mà bà Võ Thị L đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0021150, ngày 15/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. B;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Chung